TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2025/HNGĐ- ST
Ngày: 21 /04/2025
(V/v: Ly hôn và con chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG – TỈNH HẢI DƯƠNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* **Ông Vũ Minh Hải**.

Các hội thẩm nhân dân*:* Bà **Phạm Thị Thuyến**, ông **Nguyễn Tất Trọng**.

-Thư ký phiên tòa***:*** Ông **Nguyễn Tiến Linh-** Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa* ***:*** Ông**Nguyễn Thành Trung** - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 04 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp kiện xin ly hôn và con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 03 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994.

Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã H(nay là Kiến P), huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện tại: Tổ A, khu B, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn*:* Anh Nguyễn Đăng N, sinh năm 1988.(vắng mặt không ly do)

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã H (nay là xã K), huyện N, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đăng N kết hôn là tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, được ủy ban nhân dân xã H (nay là xã K), huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N chơi bời không tu chí làm ăn dẫn đến không có tiếng nói chung, mâu thuẫn thường xuyên xẩy ra, hai bên không còn sự yêu thương trân trọng nhau, không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã thực sự sâu sắc và trầm trọng. Từ năm 2023 chị L đã về sống tại gia đình bố mẹ đẻ cho đến nay, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị L xác định có một con chung là Nguyễn Hải L1, sinh ngày 02/05/2020. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, nguyện vọng chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ : Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt nên không có lời khai, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

* Xác minh tại khu dân cư, các đoàn thể, chính quyền UBND xã K cho biết: Quá trình sống chung chị L và anh N phát sinh mâu, chị L gửi đơn ly hôn trực tiếp xuống Tòa án không thông qua thôn và UBND xã nên không tổ chức hòa giải. Qua nắm bắt thì mâu thuẫn giữa chị L và anh N xẩy ra đã lâu, chị L đã một lần làm đơn xin ly hôn anh N sau đó đã rút đơn, hiện chị L đã về sống tại gia đình bố mẹ đẻ ở và ly thân với anh N. Quan điểm của chính quyền địa phương; do hai bên sống ly thân thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Chị L có đơn xin xử vắng mặt do con nhỏ và nhà ở xa; quan điểm trong lời khai và đơn đề nghị xử vắng mặt chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Đăng N và xin nuôi con, không yêu cầu giải quyết tài sản và nợ chung, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sau (sau đây viết tắt là HĐXX) và thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện

đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng theo các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định Điều 70, 72 BLTTDS. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 227, 228, 238, 232, 262 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí.

Đề nghị HĐXX, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đăng N.

Về con chung: Giao con Nguyễn Hải L1, sinh ngày 02/05/20220 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 án phí sơ theo quy định của pháp luật, được trừ đi 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1]. **Về tố tụng**:

1.1. Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Đăng N có địa chỉ ở thôn A, xã H (nay là xã K), huyện N, tỉnh Hải Dương. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy đinh tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS, vụ án được Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Nguyễn Đăng N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến lấy lời khai, đến phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do. Như vậy, anh N đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng; chị L có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L, anh N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. **Về nội dung**:

2.1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L xin ly hôn anh Nguyễn Đăng N và yêu cầu giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

2.2. Hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đăng N được ủy ban nhân dân xã H (nay là xã K), huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/02/2020, tại thời điểm kết hôn chị L và anh N đủ điều kiện kết hôn, hoàn toàn tự nguyện, điều đó thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình quy định là Hôn nhân hợp pháp.

[3]. *Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N chơi bời không tu chí làm ăn dẫn đến không có tiếng nói chung, mâu thuẫn thường xuyên xẩy ra, hai bên không còn sự yêu thương trân trọng nhau, không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã thực sự sâu sắc và trầm trọng. Từ năm 2023 chị L đã về sống tại gia đình bố mẹ đẻ cho đến nay, lời khai của bố anh N cũng xác định mâu thuẫn giữa chi L và anh N là do anh N không tu chí làm ăn, hai bên thường xuyên xẩy ra cãi nhau, hai bên giai đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không cải sửa, hiện chị L đã về sống tại gia đình bố mẹ đẻ. Quan điểm của chị L xin ly hôn với anh N vì xét tình cảm vợ chồng không còn gì, không thể tiếp tục chung sống. Qua xác minh tại khu dân cư, đoàn thể, chính quyền địa phương và lời khai của gia đình anh N có trong hồ sợ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã thực sự trầm trọng bởi; anh, chị đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, chị L đã làm đơn ly hôn anh N tại Tòa án huyện N sau đó rút đơn nhưng mâu thuẫn không được cải thiện, từ khi sống ly thân đến nay anh N không quan tâm đến chị cũng như tìm biện pháp để hai bên về đoàn tụ, anh bỏ đi làm ăn bỏ mặc chị L nuôi con, Tòa án báo anh xuống phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để hằn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh vắng mặt, điều đó thể hiện anh không mong muốn đoàn tụ, không còn tình yêu thương với chị L chứng minh đời sống chung không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được.Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. **Về con chung**: Chị Nguyễn Thị L xác định có một con chung là Nguyễn Hải L1, sinh ngày 02/05/2020 hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, nguyện vọng chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu đề nghị của chị L, HĐXX thấy rằng: Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì; vợ, chồng thỏa thuận về trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau ly

hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Quan điểm chị L khi ly hôn chị xin nuôi cháu L1. Về phía anh N được Tòa án nhiều lần triệu tập làm việc nhưng vắng mặt, không có ý kiến gì về con chung, hơn nữa anh từ khi hai bên sống ly thân năm 2023, anh N đi làm ăn xa không quan tâm tới con chung, chị L vẫn nuôi dưỡng, chăm sóc con đảm bảo điều kiện tốt. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu về xin nuôi con của chị L là chính đáng, phù hợp với các quy định của luật hôn nhân và gia đình nên cần giao con; Nguyễn Hải L1, sinh ngày 02/05/2020 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

[5].**Về tài sản chung**: Chị L xác định không có tài sản chung, nợ chung không đề nghị gì nên không phải giải quyết.

[6].**Về án phí**: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271,272 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ Điều 146, Điều 147 BLTTDS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

Xử: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đăng N.

Về Con C: Giao con Nguyễn Hải L1, sinh ngày 02/05/2020 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Anh N có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số BLTU/24/0001447 ngày 22/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị L đã hoàn thành nghĩa vụ nộp án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đươc niêm yết tại nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã Kiến Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Minh Hải